

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THẢO DƯỢC BIOMEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THẢO DƯỢC BIOMEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIOMEN HERBAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIOMEN HERBAL TRADING.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108979207

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12, ngõ 14 Khu A, Tổ An Lạc, Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                         | 0111        |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                           | 0112        |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                      | 0113        |
| 4.  | Trồng cây mía                                                                                     | 0114        |
| 5.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                                                              | 0118        |
| 6.  | Trồng cây ăn quả                                                                                  | 0121        |
| 7.  | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                               | 0131        |
| 8.  | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                | 0132        |
| 9.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                           | 1020        |
| 10. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                      | 1030        |
| 11. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                     | 0141        |
| 12. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                               | 0142        |
| 13. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                            | 0144        |
| 14. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                               | 0145        |
| 15. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                 | 0146        |
| 16. | Chăn nuôi khác                                                                                    | 0149        |
| 17. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                     | 0150        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                      | 0161        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                                                                       | 0162        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                   | 0163        |
| 21. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                     | 0164        |
| 22. | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                          | 0321        |
| 23. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                       | 0322        |
| 24. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                           | 1623        |
| 25. | Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa                                               | 1702        |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                           | 4610        |
| 27. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                            | 4620        |
| 28. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                    | 4631        |
| 29. | Bán buôn thực phẩm                                                                                | 4632(Chính) |
| 30. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                 | 4721        |
| 31. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4722        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm | 4789        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ THỊ VÂN  | Tổ dân phố 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông         | 51.000     | 510.000.000           | 51,000    | 013206340                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Tổng số                   | 51.000     | 510.000.000           | 51,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THỊ ANH  | Thôn Mãn Hòa, Xã Tân Châu, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 145234789                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                       |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TRẦN TRUNG ĐỨC | Số 15 Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 | 008093000019 |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |              |
|   |                |                                                                       |                           |        |             |        |              |
| 4 | LÊ THỊ KIM CHI | Thôn Trà, Xã Nam Hải, Huyện Nam Trực, Tỉnh Nam Định, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông         | 4.000  | 40.000.000  | 4,000  | 025189000613 |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                       | Tổng số                   | 4.000  | 40.000.000  | 4,000  |              |
|   |                |                                                                       |                           |        |             |        |              |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ VẬN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 01/09/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013206340

Ngày cấp: 07/09/2013

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ dân phố 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ dân phố 11, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội